

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-ĐHTG ngày 27 tháng 8 năm 2012  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

### **Tên chương trình: ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã số : 52340101

Hình thức đào tạo: Chính quy

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1 Mục tiêu chung**

Đào tạo người học có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên môn vững chắc; kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội; thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

#### **1.2 Mục tiêu cụ thể**

Sau khi học xong chương trình này, người tốt nghiệp đạt được:

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Kiến thức cơ bản về công việc quản trị chính yếu như ra quyết định và thực thi các chức năng quản trị: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra; hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp; chiến lược marketing; quản trị chất lượng, tài chính, nhân lực, sản xuất;

- Kiến thức cơ bản liên quan đến một số lĩnh vực hẹp: quản trị kinh doanh quốc tế, ngoại thương, thương mại điện tử, bán hàng, quản trị văn phòng hay quản trị hệ thống thông tin;

- Kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm và các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới trong các lĩnh vực: nhân sự, chất lượng, tài chính, chiến lược và chính sách kinh doanh;

- Một số kiến thức mở rộng liên quan đến các lĩnh vực: quản trị dự án, rủi ro, marketing, thương hiệu, hoặc ngân hàng;

##### **1.2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp**

- *Kỹ năng cứng:*

- + Áp dụng có sáng tạo các mô hình và phương pháp quản trị tiên tiến;
- + Phân tích môi trường, hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh;
- + Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án, hệ thống quản lý chất lượng, thương hiệu, chương trình marketing,....;
- + Tạo lập doanh nghiệp mới;
- + Tổ chức, điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Kỹ năng mềm:*

+ Chẩn đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chức năng quản trị một cách khoa học;

+ Đàm phán kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước;

+ Tổ chức, điều hành và làm việc nhóm, ....

\* *Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:*

- Có thể đảm nhiệm các vị trí quản lý hoặc chuyên viên tại các bộ phận: nhân sự, marketing, R&D, kế hoạch, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, PR, dự án ... của các doanh nghiệp trong nhiều ngành kinh doanh khác nhau;

- Có khả năng tự thành lập và điều hành doanh nghiệp;

- Có khả năng giảng dạy chuyên ngành Quản trị kinh doanh trong các trường cao đẳng và trung cấp.

\* *Về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:*

Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo sau đại học.

### **1.2.3. Phẩm chất đạo đức, thái độ nghề nghiệp**

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh, lương tâm nghề nghiệp;

- Có lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp;

- Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức đáp ứng nhu cầu đổi mới;

### **2. Thời gian đào tạo theo thiết kế: 4 năm**

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình : **162**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **130**

(Chưa kể các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT hay tương đương.

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Đào tạo và công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo , kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

### **6. Thang điểm**

Thang điểm thực hiện theo Quy chế đào tạo , kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **7. Nội dung chương trình**

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ (MHP)
		LT	TH1	TH2	TT	ĐA	TS	TLTT	
<b>7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>							<b>10</b>	<b>10</b>	
00012	Những NLCB của CNMLN 1	22	8				2	2	

00113	Những NLCB của CNMLN 2	32	13				3	3	00012
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	10				2	2	00113
03013	Đường lối CM của Đảng CSVN	29	16				3	3	03212
<b>7.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật</b>							<b>8</b>	<b>6</b>	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
15362	Kỹ năng giao tiếp	20	10				2	2	
<b>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)</b>									
65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	30					2	2	
15302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	20	10				2	2	
<b>7.1.3. Ngoại ngữ</b>							<b>14</b>	<b>14</b>	
07043	Tiếng Anh 1	45					3	3	
07053	Tiếng Anh 2	45					3	3	07043
07004	Tiếng Anh 3	60					4	4	07053
07014	Tiếng Anh 4	60					4	4	07004
<b>7.1.4. Toán - Tin học – Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường</b>							<b>12</b>	<b>12</b>	
08123	Toán cao cấp C1	45					3	3	
08132	Toán cao cấp C2	30					2	2	
08733	Xác suất - Thống kê A	45					3	3	08123
08802	Quy hoạch tuyến tính	30					2	2	08132
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
<b>7.1.5. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng</b>									
<b>7.1.5.1. Giáo dục thể chất</b>							<b>150 tiết</b>		
12372	Thể dục và điền kinh*			60			60 tiết		
<b>Môn thể thao tự chọn (cơ bản): Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau</b>									
12381	Bóng đá 1*			30			30 tiết		
12391	Bóng chuyền 1*			30					
12401	Cầu lông 1*			30					
12411	Bóng rổ 1*			30					
12421	Võ Vovinam 1*			30					
12491	Cờ vua 1*			30					
<b>Môn thể thao tự chọn (nâng cao): Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau</b>									
12432	Bóng đá 2*			60			60 tiết		
12442	Bóng chuyền 2*			60					
12482	Cầu lông 2*			60					
12462	Bóng rổ 2*			60					
12472	Võ Vovinam 2*			60					
12502	Cờ vua 2*			60					
<b>7.1.5.2. Giáo dục quốc phòng</b>									
12923	Giáo dục Quốc phòng I B*	45					120 tiết		
12932	Giáo dục Quốc phòng II B*	30							
12943	Giáo dục Quốc phòng III B*	27		36					
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương</b>							<b>44</b>	<b>42</b>	
<b>7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở</b>							<b>31</b>	<b>25</b>	
66043	Kinh tế vi mô	30	15				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	30	15				3	3	66043
70013	Marketing căn bản	30	15				3	3	
68063	Nguyên lý kế toán	30	15				3	3	

67003	Quản trị học	30	15				3	3		
71073	Luật thương mại	30	15				3	3	71012	
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3		
<b>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b>										
66072	Kinh tế công cộng	20	10				2	4		
66112	Kinh tế nông nghiệp	20	10				2			
66102	Kinh tế quốc tế	20	10				2			
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	30					2			
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	20	10				2		08733	
<b>7.2.2. Kiến thức ngành</b>								<b>55</b>	<b>45</b>	
67252	Quản trị chiến lược 1	20	10				2	2	67003	
67432	Quản trị chiến lược 2	20	10				2	2	67252	
67122	Quản trị nhân lực 1	20	10				2	2	67003	
67442	Quản trị nhân lực 2	20	10				2	2	67122	
69152	Quản trị tài chính 1	20	10				2	2	67003	
69162	Quản trị tài chính 2	20	10				2	2	69152	
67233	Quản trị sản xuất	30	15				3	3	67003	
67172	Quản trị chất lượng 1	20	10				2	2	67003	
67182	Quản trị chất lượng 2	20	10				2	2	67172	
67453	Lập kế hoạch kinh doanh	30	15				3	3	67122+ 69152+ 67233+	
67462	Chuyên đề quản trị kinh doanh	20	10				2	2		
<b>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 12 TC)</b>										
67163	Quản trị kinh doanh quốc tế	30	15				3	12	67003	
67143	Nghiệp vụ ngoại thương	30	15				3			
67343	Thương mại điện tử	20	10	30			2			
70053	Quản trị bán hàng	30	15				3		70013 67003	
67192	Quản trị hành chính văn phòng	20	10				2		67003	
67322	Quản trị hệ thống thông tin	20	10				2		67003	
<b>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 9 TC)</b>										
67273	Quản trị Marketing	30	15				3	9	70013 67003	
67293	Quản trị dự án	30	15				3		67003	
67243	Quản trị rủi ro	30	15				3		67003	
67333	Quản trị thương hiệu	30	15				3		70013 67003	
69193	Quản trị ngân hàng	30	15				3		67003	
<b>7.2.3. Kiến thức bổ trợ</b>									<b>19</b>	<b>10</b>
<b>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 10 TC)</b>										
68002	Thông kê doanh nghiệp	20	10				2	10	68782	
68022	Phân tích hoạt động kinh doanh	20	10				2		68063	
68122	Kế toán quản trị	20	10				2		67003 68063	
69112	Thị trường chứng khoán	20	10				2			
69042	Thanh toán quốc tế	20	10				2			
67042	Tâm lý quản lý trong kinh doanh	20	10				2			
67052	Nghệ thuật lãnh đạo	20	10				2			
67012	Ứng dụng lý thuyết hệ thống	20	10				2		67003	
30553	Tin học quản lý	30		30			3			

<b>7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp</b>							<b>13</b>	<b>8</b>	
67928	Khóa luận tốt nghiệp				480	8	8		
<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>									
67925	Chuyên đề tốt nghiệp				225	5			
	Tích lũy đủ 3 TC trong các học phần thuộc khối kiến thức ngành chưa tích lũy						8		
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							<b>118</b>	<b>88</b>	
<b>Số tín chỉ tổng cộng: 162 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 130 TC</b>									

(\*) Không tính vào tổng số TC

**Ghi chú:**

LT : Lý thuyết (tiết)

TH1: Thực hành 1 (tiết)

TH2: Thực hành 2 (tiết)

ĐA : Đồ án, khóa luận (giờ)

TT : Thực tập (giờ)

TLTT : Tổng số TC tích lũy tối thiểu

MHP : Mã học phần

TS: Tổng số TC của chương trình HPTQ: Học phần tiên quyết (mã học phần)

- Học phần có dấu (+) là học phần học trước

**8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến (Xem Bảng - Sơ đồ đào tạo toàn khoá học)**

**9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

\* Về việc xây dựng nội dung chi tiết học phần

Chương trình đã phân bổ cụ thể các học phần.

Căn cứ vào thực tiễn dạy học và chương trình phổ thông mới, tổ bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần, cần chú ý đến những kiến thức phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo.

\* Về phương pháp dạy học

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng cần hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập trong hoạt động và bằng hoạt động tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo. Cụ thể:

+ Sử dụng các hình thức Xêmina, bài tập nghiên cứu, hoạt động nhóm trong học tập.

+ Thông qua dạy học các học phần, chú ý thích đáng việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ thuật tự học, kỹ thuật giao tiếp và hợp tác...

\* Về đánh giá kết quả học tập

Theo quyết định 43/QĐ – BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chú trọng đánh giá kỹ năng ứng dụng, thực hành của sinh viên, có các hình thức đánh giá qua bài tập thực hành, qua trắc nghiệm khách quan đối với những nội dung và yêu cầu thích hợp; đối với các học phần chuyên ngành, giảm bớt cách đánh giá nặng về thi cử, giảm trọng số điểm thi học phần, tăng trọng số và số lượng các bài tập tự nghiên cứu.

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**Ngô Tấn Lực**